

Bản án số: **480/2024/DS-ST**
Ngày: 30/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Quang Vinh
- Bà Trịnh Thị Phương Châm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1287/2023/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8805/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 10854/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Hẻm 1x Lý Thái T1, phường Phú H, Nhơn T2, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ làm việc: Số 1xx/2x Trần Thị C, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T3; địa chỉ: Số 7x đường S, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T:

Ngày 10/7/2023, Ông Nguyễn Văn T có bán một lô hàng rượu cho ông Nguyễn Đức T3 trị giá 202.180.000 (Hai trăm lẻ hai triệu, một trăm tám mươi nghìn) đồng và cam kết đến ngày 31/8/2023 sẽ trả đủ số tiền trên. Ông T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán và đến nhà ông Nguyễn Đức T3 để thanh toán nợ nhưng ông T3 cố tình không chịu thanh toán.

Nay Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T3 trả lại số tiền 202.180.000 (Hai trăm lẻ hai triệu, một trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức T3 được tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T3 trả số tiền 202.180.000 (Hai trăm lẻ hai triệu, một trăm tám mươi nghìn) đồng

- Bị đơn ông Nguyễn Đức T3 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T và bị đơn ông Nguyễn Đức T3 là tranh chấp hợp đồng dân sự đối với hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn ông Nguyễn Đức T3 cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T3 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện ông Nguyễn Đức T3 với yêu cầu buộc ông T3 trả số tiền 202.180.000 đồng tiền lô hàng rượu đã bán cho ông T3 ngày 10/7/2023. Chứng cứ Ông T đưa ra là Giấy cam kết ghi ngày 28/8/2023 với nội dung ghi nhận giữa bên A: ông T, bên B: ông T3 vào ngày 10/7/2023 có giao 1 lô hàng rượu, bên B có nợ số tiền 202.180.000 đồng và cam kết đến ngày 31/8/2023 ông T3 sẽ thanh toán đủ số tiền trên; ngoài ra Ông T còn cung cấp bản phô tô căn cước công dân của ông Nguyễn Đức T3, hình chụp của ông T3 tại thời điểm viết Giấy cam kết, các tài liệu trao đổi qua zalo với nội dung ông T3 hứa hẹn và gia hạn việc trả tiền, thông tin tín dụng của ông T3 khi làm hồ sơ vay tiền ...

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ nội dung trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã giao nộp, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết mua bán hàng hóa, hợp đồng đã được thực hiện, nguyên đơn đã giao hàng, bị đơn chưa trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đòi tiền hàng chưa trả là 202.180.000 đồng là có cơ sở theo Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận, phù hợp với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 385, Điều 401, Điều 430, Điều 431, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T3 phải trả cho Ông Nguyễn Văn T số tiền 202.180.000 (Hai trăm lẻ hai triệu, một trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Đức T3 phải chịu 10.109.000 (Mười triệu, một trăm lẻ chín nghìn) đồng. Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho Ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.054.500 (Năm triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0045104 ngày 22/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.1;
- Chi cục Thi hành án Q.1;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn